

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: /2022/QĐ-UBND

DỰ THẢO LẦN 1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của
Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ về
thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc
Trăng,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Tổng cục PCTT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong nước và nước ngoài, đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Chương II NGUỒN HÌNH THÀNH QUỸ VÀ PHÂN BỐ SỬ DỤNG QUỸ CẤP HUYỆN VÀ XÃ

Điều 3. Nguồn tài chính Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Điều 4. Phân bổ sử dụng Quỹ đối với cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ sử dụng Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã là 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ trên địa bàn còn lại là 72%, nộp vào tài khoản quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện là 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20%

và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền thu Quỹ còn lại trên địa bàn là 77% nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

c) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm về các khoản chi từ Quỹ được phân bổ và báo cáo về cơ quan quản lý Quỹ để theo dõi, quản lý.

Chương III **NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI**

Điều 4. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

1) Chi phí hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: Hỗ trợ 300.000 đồng/hộ/ngày. Mức chi theo dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt, không quá 05 ngày/đợt.

2) Hỗ trợ cho cá nhân, lực lượng huy động tham gia ứng phó thiên tai: Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở 01 người/ngày, nếu làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau được tính gấp đôi. Chỉ hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 01 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ đối với các đối tượng do sơ tán dân ra khỏi nơi nguy hiểm và không quá 3 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng do thiên tai cần hỗ trợ khắc phục hậu quả.

2) Cứu trợ khẩn cấp về thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Hỗ trợ 300.000 đồng/người/đợt; mức chi theo dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3) Hỗ trợ về người: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

4) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở của nhân dân bị hư hỏng do thiên tai:

a) Hỗ trợ chi phí làm nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, hư hỏng nặng do thiên tai mà không còn nơi ở: 40.000.000 đồng/hộ;

b) Hỗ trợ chi phí di dời nhà ở đối với hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai: 30.000.000 đồng/hộ;

c) Hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng do thiên tai mà không ở được: 20.000.000 đồng/hộ.

5) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Hỗ trợ 10.000.000 đồng/xã; mức chi theo dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6) Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: Cơ sở y tế, Trường học; tu sửa nhà kết hợp làm điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp các công trình phòng chống thiên tai. Tổng mức đầu tư 01 công trình mức chi 03 tỷ đồng.

Điều 6. Chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai

1) Hỗ trợ đối với cây lúa:

a) Hỗ trợ gieo mạ:

- Diện tích mạ lúa thuần gieo trên nền đất bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

- Diện tích mạ lúa thuần gieo mạ khảm, mạ khay bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

- Diện tích lúa lai gieo trên nền đất bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

- Diện tích mạ lúa thuần gieo mạ khảm, mạ khay bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha.

b) Hỗ trợ gieo trồng lúa:

- Diện tích lúa thuần: Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha. Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha. Sau gieo cấy trên 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

- Diện tích lúa lai: Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha. Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha. Sau gieo trồng trên 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha.

2) Cây hàng năm khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

3) Cây trồng lâu năm:

- Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh, vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

- Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ đối với cây trồng lâm nghiệp:

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

4. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản

a) Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.000.000 - 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 4.000.000 - 6.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 18.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 15.000.000 - 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 15.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 40.000.000 - 50.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 20.000.000 - 30.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 50.000.000 - 65.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 40.000.000 - 45.000.000 đồng/ha.

e) Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 25.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 15.000.000 - 20.000.000 đồng/ha.

g) Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 12.000.000 đồng/100m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 6.000.000 - 9.000.000 đồng/100m³ lồng.

h) Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 30.500.000 - 35.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 20.000.000 - 25.000.000 đồng/ha.

i) Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 55.500.000 - 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 25.000.000 - 40.000.000 đồng/ha.

k) Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (xa bờ, ven đảo), nước lợ bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 25.500.000 - 30.000.000 đồng/100m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 15.000.000 - 20.000.000 đồng/100m³ lồng.

l) Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 8.100.000 - 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 5.000.000 - 7.000.000 đồng/ha.

5. Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm:

- Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 - 20.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 21.000 - 35.000 đồng/con;

- Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 300.000 - 400.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 450.000 - 1.000.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con;

- Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.000.000 - 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.100.000 - 10.000.000 đồng/con;

- Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 500.000 - 2.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.100.000 - 6.000.000 đồng/con;

- Hươu, nai, cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 - 2.500.000 đồng/con.

6) Hỗ trợ đối với sản xuất muối: Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% hỗ trợ 3.000.000 đồng /ha; thiệt hại từ 30% - 70% hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha.

7) Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 7. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

1) Tuyên truyền trên các kênh phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi 100.000.000 đồng/năm. Mức chi căn cứ trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm của Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh.

2) Tổ chức lớp tập huấn: Mỗi lớp từ 40-50 người/lớp/1 ngày và mức chi 25.000.000 đồng/lớp. Mức chi căn cứ trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm của Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh.

3) Lập, rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai: 01 lần lập, rà soát chi theo dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4) Hỗ trợ cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để diễn tập phòng chống thiên tai ở cấp tỉnh: Mức chi 100.000.000 đồng/đợt/năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5) Hỗ trợ cơ quan, đơn vị cấp huyện để diễn tập phòng chống thiên tai ở cấp huyện: Mức chi 40.000.000 đồng/huyện/đợt/năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6) Hỗ trợ cơ quan, đơn vị cấp huyện để diễn tập phòng chống thiên tai ở cấp xã: Mức chi 25.000.000 đồng/xã/đợt/năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7) Hỗ trợ cho cá nhân, lực lượng huy động tham gia ứng phó thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

8) Hỗ trợ các trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Căn cứ vào nhu cầu thực tế cần thiết cần trang thiết bị phục vụ cho hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; các địa phương thống kê nhu cầu, báo cáo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, lập kế hoạch, dự toán kinh phí mua sắm, trang bị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện mua sắm, trang bị theo quy định.

Việc chi hỗ trợ mua sắm trang bị phương tiện, thiết bị chỉ thực hiện sau khi đã ưu tiên chi hỗ trợ cho các hoạt động theo quy định tại các Điều 3, 4, 5 và 6 Chương này.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai Quyết định này.

2. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.